Vietnam Tariff Intelligence

HS 9840 detail

HS code	9840
Description	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật.
Unit	
Generated	02/11/2026 09:06:58
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9840/

19 tariff lines under 9840

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9840.11.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi kim loại thép Metal segment (14x24) mm		5%	0%	No data
9840.11.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi kim loại thép Metal segment (14x24) mm		5%	0%	No data
9840.12.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng kim loại thép		5%	0%	No data
9840.13.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm bằng đồng dùng gắn vào sản phẩm cao su (10,13x0,8) mm		15%	10%	No data
9840.14.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi nhôm lót trong mạ niken (85x38) mm dùng trong công nghiệp sản xuất chuỗi cách điện		5%	0%	No data
9840.15.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Keo dán adhesive chemlok 205		7.5%	5%	No data
9840.16.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm thép #304 dùng để gắn vào sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.17.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm vênh bằng thép #304-S dùng để gắn vào sản phẩm cao su		5%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9840.18.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / -Vòng nhôm 3077 (Mini) (99,71x84,73x14,30) mm dùng sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.19.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Axit stearic		5%	0%	No data
9840.20.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao lanh (bột đá) dùng sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.21.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Đệm cao su 0-35 b dùng gắn vào chụp đệm cao su dùng trên mái nhà		5%	0%	No data
9840.22.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao su lưu hóa dạng tấm		5%	0%	No data
9840.23.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Muội carbon black N330,770,660 dạng hạt, dùng để sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.24.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Tấm lưới bằng nhôm phủ cao su (410x490) mm		5%	0%	No data
9840.25.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Dầu Parafin - Paraffinic Oil dùng trong sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.26.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Hợp chất hóa dẻo Sunthene 480 dạng lỏng dùng để sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.27.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Oxít Kẽm Zinc Oxide white seal 99.8% (ZNO) dạng bột màu trắng dùng để sản xuất sản phẩm cao su		5%	0%	No data
9840.28.00	Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng kim lọai thép (129.8x2.8) mm dùng để gắn vào sản phẩm cao su		5%	0%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.